

Name:
 Date: ... / ... /20...
 Class: S6
 Tel: 034.200.9294



Vocabulary:.....
 Listening:
 Writing:
 Mini Test:

WEEK 1: TRAVEL

Vocabulary & Presentation

- ❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.
- ❖ **Lưu ý 2:** Con không sử dụng dạng viết tắt của các trợ động từ ở thể phủ định.
- ❖ **Lưu ý 3:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
- ❖ **Lưu ý 4:** Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

A. VOCABULARY & PRESENTATION

1. Vocabulary

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	airport (n)	sân bay	10	ticket (n)	vé
2	city centre (n)	trung tâm thành phố	11	take off (phr.v)	cất cánh
3	platform (n)	sân ga	12	land (v)	hạ cánh
4	road (n)	đường	13	self - catering (adj)	tự phục vụ
5	travel agent (n)	đại lý du lịch	14	globetrotter (n)	người đi khắp thế giới
6	flight (n)	chuyến bay	15	foreign currency (n.phr)	ngoại tệ
7	passport (n)	hộ chiếu	16	voyage (n)	chuyến đi bằng đường biển
8	passenger (n)	hành khách	17	excursion (n)	chuyến đi chơi ngắn
9	suitcase (n)	va li			

- ❖ **Note :** n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ, n.phr = noun phrase: cụm danh từ, phr.v = phrasal verb: cụm động từ
- ❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

2. Presentation

Topic: Describe your dream vacation

- Where do you want to go?
- Why do you want to visit this place?
- What do you know about this place?
- How do you go to this place?
- What can you do there?

B. HOMEWORK

Exercise 1: Fill in the blanks with words in the box

voyage

passport

passengers

tickets

travel agents

suitcase

0. I need a passport to go abroad.

1. The _____ for next week concert are now available on our website.
2. We highly recommend booking tours to China next year through _____.
3. She needs to pack her _____ now because she will go on a business trip soon.
4. The _____ from this city to Japan only takes 4 hours.
5. _____ were panicked (*hoảng sợ*) by the sudden stop of the train.

Exercise 2: Circle the correct answer

0. Helen is like a princess in a *family story* / *fairy tale* / *detective*.

1. He wants to buy a *flight* / *ticket* / *passport* from here to Osaka.
2. The *coastal tourism* (*ngành du lịch biển*) provides a living for the people as well as *foreign currency* / *travel agents* / *excursions* for the country.
3. We will stay in a *city centre* / *voyage* / *self - catering* cottage so we should prepare some food.
4. Do you know the way from the airport to the *passenger* / *city centre* / *road*?
5. The plane *takes off* / *takes up* / *land* at 8 a.m. so I can't see her off (*tiễn*).

Exercise 3: Complete the words and match them with their definitions

0. ~~the outer covering of a tree~~

~~A. bark~~

1. the raised place beside a railway track where you get on and off a train in a station

B. g l o _ _ e t _ _ o t _ _ e r

2. a journey in a plane

C. p _ _ a t _ _ o _ _ m

3. a place where planes take off and land

D. a i _ _ _ o r t

4. a short journey arranged by a group of people especially while they are on holiday

E. f l _ _ g _ _ t

5. someone who spends a lot of time travelling to many different countries

F. _ _ x c _ _ r s i o n

0. A	1.	2.	3.	4.	5.
------	----	----	----	----	----

Con làm bài nghe theo link sau: <https://www.youtube.com/watch?v=M49FQZaJVTc>



Questions 6–10

66

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a boy leaving a message for a friend about some homework.

Homework

Subject:

English

What to write:

(6)

Number of words:

(7)

Remember to add:

(8)

Get ideas from:

(9) www.com

Date to give to teacher:

(10)

Question 31

Write an email to Alfie.

- **say** what you have lost
- **explain** how you think you lost it
- **tell** Alfie what you want him to do to help.

Write the email on your answer sheet.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. A large, light gray watermark with the word "STUDENT" is oriented diagonally from the bottom left towards the top right, covering most of the page area.

Exercise 1: Circle the mistake and correct it

0. Did you calls her parents to pick her up?

A

B

C

_____ call _____

1. She went shopping and buyed a beautiful dress yesterday.

A

B

C

2. He didn't collected the plastic bottles on the street.

A

B

C

3. The man returned from the trip and feeled exhausted.

A

B

C

4. Had you go to the Plus School when you were a student?

A

B

C

5. Two days before, I met an old friend at the supermarket.

A

B

C

Exercise 2: Circle the correct answer

0. The teacher didn't give / gave / gives us homework yesterday.

1. Thomas Edison inventing / invented / invents light bulbs in 1879.

2. Did they go to the museum last Sunday? - No, they did / didn't / hadn't.

3. She looked after her old grandmother at a hospital last week / next week / now.

4. The baby didn't cried / doesn't cry / didn't cry last night.

5. When did you go / do you go / did you went to England? - Two years ago.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để Starlink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

